

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 708-TB/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy về việc Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 4987/SXD.QHKT ngày 30/12/2022 về việc thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Đô Lương.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch -Kiến trúc Xây dựng Nghệ An.

4. Phạm vi ranh giới và niên độ lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Đô Lương (gồm 33 đơn vị hành chính, bao gồm: Thị trấn Đô Lương và 32 xã thuộc huyện Đô Lương). Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Tân Kỳ;
- Phía Nam giáp: Huyện Nam Đàn và huyện Thanh Chương;
- Phía Đông giáp: Huyện Yên Thành và huyện Nghi Lộc;
- Phía Tây giáp: Huyện Thanh Chương và huyện Anh Sơn.
- Tổng diện tích lập quy hoạch: 35.372,17 ha (353,72 km²).

4.2. Niên độ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

5.1. Quan điểm:

- Quy hoạch vùng huyện Đô Lương nhằm định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng với các vùng miền. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và thế mạnh của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

5.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đô Lương lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 17/8/2020;

- Bảo vệ môi trường, giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương;

- Tạo lập cơ sở pháp lý để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai, quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, nông thôn mới, làm tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện;

- Làm cơ sở xây dựng tiêu chí Huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, xây dựng huyện Đô Lương giàu mạnh, văn minh. *W*

6. Nội dung quy hoạch xây dựng:

6.1. Tính chất, chức năng:

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa mới của tỉnh Nghệ An, có vai trò động lực phát triển của vùng phía Tây tỉnh Nghệ An; Là điểm kết nối giao thông Đông, Tây, Nam, Bắc liên kết giữa các huyện phía Tây với thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, khu kinh tế Đông Nam và các huyện ven biển của tỉnh Nghệ An;

- Là một trong những vùng chủ đạo nằm trong Hành lang kinh tế Quốc lộ 7 với tiềm năng phát triển dịch vụ thương mại, công nghiệp, du lịch, khai thác chế biến nông lâm nghiệp,...;

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

6.2. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng.

6.2.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Giai đoạn 2021-2025: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 10,5-11%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 14%; công nghiệp - xây dựng: 35,5%; thương mại - dịch vụ: 50,5%;

- Giai đoạn 2025-2030: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 15%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 12%; công nghiệp - xây dựng: 31%; thương mại - dịch vụ: 57%;

- Giai đoạn 2030-2050: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 18%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 6%; công nghiệp - xây dựng: 35%; thương mại - dịch vụ: 59%.

6.2.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2021: 217.878 người, trong đó dân số đô thị khoảng 10.022 người, tỷ lệ đô thị hóa 4,60%;

- Dự báo năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 256.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 134.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 52,30%;

- Dự báo năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 325.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 221.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 68%;

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 70% tổng dân số toàn huyện.

6.3. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.3.1. Phân vùng phát triển không gian:

Huyện Đô Lương được định hướng phân thành 03 vùng phát triển không gian theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể:

a) Phân vùng 1 (Vùng phía Tây Bắc): Gồm các xã Ngọc Sơn, Lam Sơn, Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Hồng Sơn và Bài Sơn. Tổng diện tích 92,84km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Giang Sơn theo hướng đô thị sinh thái. Phát triển công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu; chăn nuôi gia súc. Phát triển du lịch sinh thái gắn với nước hồ nước khoáng nóng Giang Sơn và các hồ đập lớn. ✓

b) Phân vùng 2 (Vùng Trung tâm): Gồm Thị trấn Đô Lương và các xã: Bắc Sơn, Bồi Sơn, Đà Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Lưu Sơn, Nam Sơn, Thịnh Sơn, Trảng Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn. Tổng diện tích: 96,56 km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Đô Lương gắn với phát triển thương mại dịch vụ tổng hợp, trung tâm của vùng Tây Nam tỉnh Nghệ An. Phát triển công nghiệp gồm cụm công nghiệp Lạc Sơn. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng lúa và hoa màu sản xuất thực phẩm sạch cho các khu đô thị. Phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử.

c) Phân vùng 3 (Vùng Đông Nam): Gồm các xã Trung Sơn, Thuận Sơn, Xuân Sơn, Tân Sơn, Minh Sơn, Thái Sơn, Quang Sơn, Thượng Sơn, Nhân Sơn, Hiến Sơn, Trù Sơn, Đại Sơn và Mỹ Sơn. Tổng diện tích: 165,09 km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Thượng Sơn. Phát triển công nghiệp gồm cụm công nghiệp Thượng Sơn và vùng phát triển mở rộng không gian của khu kinh tế Nghệ An. Phát triển lâm nghiệp công nghệ cao, trồng lúa và hoa màu.

6.3.2. Định hướng phát triển đô thị và nông thôn:

a) Định hướng không gian phát triển đô thị: Định hướng phát triển gồm 03 đô thị: Đô thị Đô Lương (thị trấn Đô Lương hiện hữu và vùng phụ cận); đô thị Giang Sơn và đô thị Thượng Sơn.

a.1. Đô thị Đô Lương (đô thị loại IV): Có chức năng là Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và thương mại dịch vụ của huyện Đô Lương và các huyện phía Tây Nam tỉnh Nghệ An.

- Giai đoạn 2021-2030, gồm toàn bộ địa giới Thị trấn Đô Lương và 02 xã Đà Sơn, Đặng Sơn hiện nay; một phần diện tích các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Bồi Sơn, Trảng Sơn, Đông Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn, Trung Sơn; định hướng đến năm 2030: Diện tích 1.644,2ha, dân số khoảng 93.000 người, đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng lấy trọn ranh giới hành chính thị trấn Đô Lương và 11 xã: Bồi Sơn, Trảng Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Nam Sơn, Bắc Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Lưu Sơn và một phần diện tích 02 xã: Thịnh Sơn, Hòa Sơn. Định hướng đến năm 2050: Diện tích 7.930,0ha, dân số khoảng 141.000 người.

a.2. Đô thị Giang Sơn (đô thị loại V): Là đô thị sinh thái phía Tây Bắc huyện Đô Lương.

- Giai đoạn 2021-2030, hình thành đô thị Giang Sơn tại khu vực trung tâm xã Giang Sơn Tây. Định hướng đến năm 2030: Diện tích 470,0 ha, dân số khoảng 18.600 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đất đô thị lên khoảng 750,0ha; Dân số khoảng 30.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

a.3. Đô thị Thượng Sơn (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Đông Nam huyện Đô Lương.

- Giai đoạn 2021-2030, Hình thành đô thị Thượng Sơn trên cơ sở mở rộng quy hoạch đô thị đã được phê duyệt về phía Tây Bắc, phía Bắc Quốc lộ 7C.

Định hướng đến năm 2030: diện tích 560,0 ha; Dân số khoảng 22.400 người; Phát triển thành đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đô thị, diện tích khoảng 1.200,0ha; dân số khoảng 50.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

b) Định hướng phát triển nông thôn:

- Giai đoạn 2021-2030:

+ Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đồng thời, hoàn thành lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung xã;

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu. Đến năm 2030, dân số nông thôn khoảng 122.000 người.

- Giai đoạn 2030 - 2050: Xây dựng và phát triển các khu dân cư theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 104.000 người.

6.3.4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Phát triển hệ thống Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ tại các xã Trù Sơn, Hiến Sơn, Nhân Sơn, Quang Sơn với tổng diện tích khoảng 2.000 ha theo định hướng Quy hoạch tỉnh Nghệ An và định hướng phát triển mở rộng khu kinh tế Đông Nam Nghệ An.

- Phát triển 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích 113,3ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Lạc Sơn tại xã Lạc Sơn, quy mô khoảng 72,90ha, ưu tiên các dự án sản xuất hàng tiêu dùng, điện tử, may mặc;

+ Cụm công nghiệp Thượng Sơn tại xã Thượng Sơn, quy mô khoảng 40,4ha, ưu tiên các dự án giày da, may mặc.

- Quy hoạch phát triển 7 khu làng nghề theo hướng tập trung, trong đó có 03 cụm làng nghề lớn, gồm:

+ Cụm công nghiệp làng nghề Trù Sơn tại xã Trù Sơn, có quy mô 15ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất gốm sứ;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Tinh Gia tại xã Thái Sơn, có quy mô 18ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất đồ mộc mỹ nghệ;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Thượng Cát tại xã Tân Sơn, có quy mô 19ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất chế biến thực phẩm.

6.3.5. Phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt: Hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao theo chuỗi liên kết với các sản phẩm chủ lực của huyện. Phát triển lúa chất lượng cao tại các xã: Văn Sơn, Thịnh Sơn, Yên Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Xuân Sơn, Tân Sơn...; rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Trung Sơn, Lưu Sơn, Lạc Sơn, Đại Sơn, Giang Sơn Đông; Chanh không hạt tại Giang Sơn,

Hồng Sơn, Bài Sơn, Xuân Sơn, Thuận Sơn; bí, dưa ở các xã Trung Sơn, Lạc Sơn, Nam Sơn, Đại Sơn; lạc ứng dụng công nghệ cao tại các xã vùng bán sơn địa và vùng bãi bồi; Cây dược liệu tại các xã: Lam Sơn, Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Mỹ Sơn;

- Chăn nuôi: Chăn nuôi đại gia súc tập trung tại các xã vùng Đông Nam và các xã Đại Sơn, Tràng Sơn, Bồi Sơn;

- Thủy sản: Tận dụng hệ thống sông ngòi, đầm, địa hiện trạng dọc hai bên Sông Lam để khai thác, nuôi trồng thủy hải sản; Quy hoạch phát triển vùng sản xuất cá giống ứng dụng công nghệ cao tại xã các Thịnh Sơn, Hòa Sơn, Trù Sơn, Tràng Sơn;

- Lâm nghiệp: Quy hoạch Phát triển trồng rừng kết hợp đầu tư khu sản xuất chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ tại các phân vùng 1 và 3 như: Khu lâm nghiệp CNC Bắc Trung Bộ tại xã Đại Sơn (khoảng 170ha); Khu vườn trồng đôi lấy hạt, trồng cây lấy gỗ lâu năm xen lẫn trồng cây dược liệu, tại Giang Sơn, Văn Sơn.

6.3.6. Phát triển thương mại dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các trung tâm thương mại tại 03 đô thị: Đô thị Đô Lương, đô thị Giang Sơn, đô thị Thượng Sơn và khu tập trung dân cư; Chức năng là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và vùng huyện Tây Nam của tỉnh.

- Phát triển hệ thống thương mại dịch vụ, hệ thống phân phối hàng hóa theo hành lang QL7; Đẩy mạnh thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại, logistic, kho bãi hai bên QL 7C.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ truyền thống thành trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống của vùng; xây dựng phát triển chợ Ú thành chợ đầu mối buôn bán gia súc tại xã Đại Sơn.

6.3.7. Phát triển du lịch: Gồm 02 loại hình du lịch: Du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề. Từng bước hình thành hành lang phát triển du lịch dọc theo QL15 với trọng tâm một số khu vực như sau:

- Du lịch văn hóa - lịch sử, bao gồm:

+ Điểm du lịch các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng: Di tích lịch sử Trưng Bôn; đập Bara Đô Lương;

+ Điểm du lịch văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ: Đền Phú Thọ (đã được Nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia);

+ Điểm du lịch danh thắng, văn hóa tín ngưỡng, tâm linh: Di tích lịch sử Quốc gia Đền Quả Sơn (gắn với di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia - lễ hội đền Quả Sơn); Chùa Bà Bụt; Chùa Phúc Yên; Đền Hội Thiện; Đình Lương Sơn; Đình Phú Nhuận, Đền Đức Hoàng...

- Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề:

+ Khu phức hợp suối nước khoáng nóng Giang Sơn. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí thể dục thể thao chất lượng cao;

+ Khu du lịch sinh thái hồ Bàu Đá, Khu du lịch sinh thái xã Nam Sơn, du thuyền hát ví dặm dọc Sông Lam;

+ Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn liền với phát triển du lịch. Kết hợp giữa du lịch văn hóa, lịch sử với du lịch sinh thái trải nghiệm; Cụ thể: Khu trồng cây dổi lấy hạt kết hợp giáo dục trải nghiệm tại xã Văn Sơn, Thịnh Sơn.

6.4. Quy hoạch sử dụng đất toàn huyện:

Bảng tổng hợp định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện như sau:

TT	Thành phần đất	Hiện trạng 2021		Dự báo 2030			Dự báo 2050		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)
I	Đất phát triển đô thị	249,60	0,71	2674,18	7,56	2424,58	9530,00	26,94	9280,40
I	Đất dân dụng	149,26	0,42	2406,86	6,80	2257,6	2112,00	5,97	1962,74
2	Đất ngoài dân dụng	100,34	0,28	267,32	0,76	166,98	7418,00	20,97	7317,66
II	Đất phát triển nông thôn	2489,11	7,04	2579,41	7,29	90,3	988,75	2,80	-1500,36
III	Đất công nghiệp	99,45	0,28	194,60	0,55	95,15	2194,6	6,20	2095,15
IV	Đất nông nghiệp	24959,6	70,56	21119,43	59,71	-3840,17	13305,24	37,61	-11654,4
1	Đất sản xuất nông nghiệp	15573,55	44,03	12705,00	35,92	-2868,55	8004,15	22,63	-7569,4
2	Đất lâm nghiệp	8775,52	24,81	7338,27	20,75	-1437,25	4623,11	13,07	-4152,41
3	Đất nuôi trồng thủy sản	555,42	1,57	423,09	1,20	-132,33	266,5467	0,75	-288,873
4	Đất nông nghiệp khác	55,11	0,16	653,07	1,85	597,96	411,4341	1,16	356,3241
V	Đất an ninh quốc phòng	775,7	2,19	1482,36	4,19	706,66	1482,36	4,19	706,66
	Đất an ninh	1,02	0,00	12,02	0,03	11	12,02	0,03	11
	Đất quốc phòng	774,68	2,19	1470,34	4,16	695,66	1470,34	4,16	695,66
VI	Mặt nước	1046,25	2,96	1022,81	2,89	-23,44	879,6166	2,49	-166,633

VII	Đất khác (đất nghĩa trang, tôn giáo, đất có mục đích công cộng, đất chưa sử dụng, khoáng sản, VLXD...)	2916,12	8,24	3176,23	8,98	260,11	3028,60	8,56	112,4825
VIII	Đất giao thông	2836,34	8,02	3123,15	8,83	286,81	3963	11,20	1126,66
Tổng		35372,17	100,00	35372,17	100,00		35372,17	100,00	

6.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

6.5.1. Công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Đô thị Đô Lương (đô thị loại IV), đô thị Giang Sơn, đô thị Thượng Sơn (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học. Đầu tư xây dựng mới 04 tổ hợp giáo dục cấp vùng tại khu vực Trung tâm và đô thị Giang Sơn.

- Giai đoạn 2021-2030: Toàn huyện dự kiến có 95 cơ sở giáo dục. Trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 07 trường THPT; 20 trường THCS; 30 trường tiểu học và 36 trường Mầm non.

- Giai đoạn 2030-2050: Toàn huyện dự kiến có 103 cơ sở giáo dục. Trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 09 trường THPT; 23 trường THCS; 32 trường tiểu học và 39 trường Mầm non. Phát triển trường THCS Lý Nhật Quang và trường THPT Đô Lương 1 trở thành trường trọng điểm của tỉnh. Nâng cấp mở rộng trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật theo hướng ưu tiên đào tạo các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội, các khu cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, tỉnh khu vực miền Trung.

6.5.2. Công trình y tế: Phát triển hệ thống Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào hệ thống y tế nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế xã, kiên cố hóa hạ tầng y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...). Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2030: Phân đầu đạt 1.000 giường bệnh trên toàn huyện. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp bệnh viện huyện đạt quy mô 300 giường bệnh, bệnh viện xã hội hóa tại xã Hòa Sơn. Quy hoạch thêm 02 bệnh viện tại phân vùng 1 (phía Bắc Đô Lương) và phân vùng 2 (vùng trung tâm) để thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hoá.

- Giai đoạn 2030-2050: Phân đầu đạt 1.500 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện huyện thành bệnh viện cấp vùng. Nâng cấp 02 bệnh viện Bắc Đô Lương,

bệnh viện Tây Đô Lương, quy mô 300 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Nâng cấp bệnh viện xã hội hóa tại xã Hòa Sơn, quy mô 300 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III.

6.5.3. Công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn.

+ Thị trấn Đô Lương: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, quy mô 7,0 ha, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện, quảng trường;

+ Trung tâm văn hóa khu vực tại: Đô thị Giang Sơn, Thượng Sơn. Quy mô đạt tối thiểu 5,0ha/trung tâm.

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới; trong đó 50% đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại thị trấn Đô Lương gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sỏi vật... tổng diện tích khoảng 14,6ha;

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực tại Đô thị Giang Sơn, Thượng Sơn: Sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô 4ha/trung tâm.

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông, 01 nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa, sân tập thể thao.

6.5.4. Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử:

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (hồ Bàu Đá, hồ Bà Tri, hồ Yên Trạch, hồ Long Thái,...), sông Lam, sông Đào;

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đưa vào danh mục kiểm kê, bảo tồn (10 di tích Quốc gia, 27 di tích cấp tỉnh).

6.5.5. Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

- Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê sông; hệ thống hồ đập; Hành lang an toàn đường bộ, đường thủy; hành lang bảo vệ an toàn nguồn nước.

- Tuân thủ các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng đã được quy hoạch.

6.6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạ tầng:

6.6.1. Giao thông:

a) Đường bộ:

- Quốc lộ: Trên địa bàn huyện Đô Lương có 07 tuyến, gồm: QL7, QL7C, QL7B, QL15, QL46B, QL46C, QL48E. Tổng chiều dài khoảng 130,25km;

- Tỉnh lộ: Trên địa bàn huyện Đô Lương có 03 tuyến, gồm: TL533, TL534, TL538. Tổng chiều dài khoảng 24,2km;

- Định hướng quy hoạch giao thông đường bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

TT	Tên đường	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch 2030 - 2050		
		Chiều dài (km)	Cấp đường	Số làn xe	Chiều dài (km)	Cấp đường	Số làn xe
I	Quốc lộ	130.25			130.25		
1.1	QL7	15.8	III	2	15.8	III	4
1.2	QL7C	23.3	III	2	23.3	III	4
1.3	QL7B	14.3	III	2	14.3	III	2
1.4	QL15	46.35	IV	2	46.35	III	2
1.5	QL46B	9.5	IV	2	9.5	III	4
1.6	QL46C	9	IV	2	9	III	2
1.7	QL48E	12	IV	2	12	III	2
II	Đường tỉnh	24.2			24.2		
2.1	TL533	15.06	IV	2	15.06	III	2
2.2	TL534	7.29	IV	2	7.29	III	2
2.3	TL538	1.85	IV	2	1.85	III	2
III	Đường huyện	196.6			196.6		
3.1	ĐH.01	14.5	2	IV	14.5	2	III
3.2	ĐH.02	20	2	IV	20	2	III
3.3	ĐH.03	11	2	IV	11	2	III
3.4	ĐH.04	5.5	2	V	5.5	2	IV
3.5	ĐH.05	7.5	2	IV	7.5	2	III
3.6	ĐH.06	12	2	V	12	2	IV
3.7	ĐH.07	3	2	V	3	2	IV
3.8	ĐH.08	7	2	V	7	2	III
3.9	ĐH.09	6	2	V	6	2	IV
3.10	ĐH.10	9.1	2	V	9.1	2	IV
3.11	ĐH.11	8.5	2	V	8.5	2	IV
3.12	ĐH.12	3.5	2	V	3.5	2	IV
3.13	ĐH.13	8	2	V	8	2	IV
3.14	ĐH.14	12.5	2	V	12.5	2	IV
3.15	ĐH.15	8.5	2	V	8.5	2	IV
3.16	ĐH.16	5	2	V	5	2	IV
3.17	ĐH.17	4.5	2	V	4.5	2	IV
3.18	ĐH.18	5	2	V	5	2	IV
3.19	ĐH.19	6.5	2	V	6.5	2	IV
3.20	ĐH.20	14.5	2	V	14.5	2	IV
3.21	ĐH.21	5	2	V	5	2	IV
3.22	ĐH.22	12.6	2	IV	12.6	2	III
3.23	ĐH.23	3.9	2	V	3.9	2	IV
3.24	ĐH.24	3	2	IV	3	4	IV
IV	Đường trục chính đô thị	Tuân theo quy hoạch đô thị					

W

b) Đường thủy:

- Sông Lam: Đoạn qua địa bàn huyện dài 28,8km, quy hoạch tuyến đường sông vận tải tiêu chuẩn cấp III.

- Cảng thủy nội địa: Quy hoạch các cảng hàng hóa: Cảng Chợ Sỏi - xã Lưu Sơn, quy mô cảng cấp IV. Cảng Trảng Sơn - xã Trảng Sơn, quy mô cảng cấp II.

- Bến thủy nội địa: Nâng cấp các bến tại đền Quả Sơn (xã Bồi Sơn), bến Bắc Sơn, bến Trung Sơn, bến Đặng Sơn để phục vụ vận chuyển hàng hóa và phục vụ phát triển du lịch dọc sông Lam.

c) Bến xe cấp huyện: Quy hoạch 01 bến xe quy mô diện tích khoảng 31.000m², tại xã Lưu Sơn - Đô Lương, Quy mô tiêu chuẩn bến xe loại 1.

6.6.2. San nền, thoát nước:

a) Nền xây dựng: Căn cứ tài liệu điều tra khảo sát địa hình, thủy văn để lựa chọn cao độ nền đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật hiện hành, cụ thể:

- Khu vực trong các đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn: Cao độ không chế san nền đô thị được chọn dựa vào cao độ ngập lụt tính toán với tần suất 5%. Tùy thuộc vào địa hình để thiết kế không chế cao độ phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của các đô thị.

- Các khu vực khác ngoài đô thị: Cao độ nền xây dựng phù hợp cao độ nền hiện trạng và đảm bảo nền ổn định, không bị ngập lũ, tránh đào sâu, đắp cao.

b) Thoát nước mưa: Tiêu nước chính chia huyện Đô Lương thành 03 lưu vực:

- Lưu vực 1: Các xã phía Bắc sông Đào (Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Hồng Sơn, Lam Sơn, Ngọc Sơn, Bồi Sơn, Trảng Sơn, Đông Sơn, Bài Sơn) hướng thoát chính về phía Bắc, vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra sông Lam.

- Lưu vực 2: Vùng đồng bằng và bán sơn địa phía đông Nam sông Đào (Văn Sơn, Yên Sơn, Thịnh Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Tân Sơn, Thái Sơn, Minh Sơn, Quang Sơn, Thượng Sơn, Nhân Sơn, Hiến Sơn, Mỹ Sơn, Trù Sơn, Đại Sơn) thoát vào hệ thống ngòi lạch sông Rào Gang rồi thoát ra sông Lam.

- Lưu vực 3: Vùng đồng bằng và bán sơn địa phía Đông Nam (Bắc Sơn, Nam Sơn, Đặng Sơn, Lưu Sơn, Thị trấn Đô Lương, Đà Sơn, Trung Sơn, Thuận Sơn, Xuân Sơn) thoát vào hệ thống ngòi lạch sông Rào Gang rồi thoát ra sông Lam.

6.6.3. Cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

a) Cấp nước:

- Phân vùng cấp nước (gồm 03 vùng):

+ Vùng cấp nước 1 (Vùng Trung tâm và phía Tây Bắc huyện): Cấp nước cho 02 đô thị Đô Lương, Giang Sơn, và các xã: Lưu Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đông Sơn, Trảng Sơn, Bồi Sơn, Lam Sơn, Hồng Sơn, Ngọc Sơn, Giang Sơn Đông và xã Bài Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Đông Sơn lên 15.000 m³/ngđ (năm 2030) và 25.000 m³/ngđ (năm 2050);

+ Vùng cấp nước 2 (Vùng phía Đông và Nam huyện): Cấp nước cho đô thị Thượng Sơn và các xã: Hòa Sơn, Trảng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Thịnh Sơn, Tân Sơn, Minh Sơn, Lạc Sơn, Thái Sơn, Quang Sơn, Hiến Sơn; Trung Sơn,

Xuân Sơn và Thuận Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Nâng cấp mở rộng nhà máy nước Hòa Sơn lên 23.000 m³/ngđ (năm 2030) và 58.000 m³/ngđ (năm 2050);

+ Vùng cấp nước 3 (phía Tây huyện): Cấp nước cho các xã Đặng Sơn, Nam Sơn và Bắc Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Xây dựng mới nhà máy nước Bắc Sơn công suất 2.000 m³/ngđ (đến năm 2030) và 5.000 m³/ngđ (năm 2050).

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Năm 2030: Khu vực đô thị là 110l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 90l/ng.ngđ, tỷ lệ 95%, công nghiệp là 25m³/ha.ngđ;

+ Năm 2050: Khu vực đô thị là 120l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%, công nghiệp là 30m³/ha.ngđ.

- Công suất cấp nước:

+ Năm 2030: khoảng 40.000m³/ngđ;

+ Năm 2050: khoảng 88.000m³/ngđ.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố các hồ đập địa phương đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ;

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%;

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ;

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp;

- Hoàn thiện nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu nuôi trồng thủy sản tập trung.

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Quy hoạch bố trí đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CHCN số 5 tại thị trấn Đô Lương với diện tích: 2,2 ha. Quy hoạch bố trí thêm các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn; Bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định hiện hành.

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông suối, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động giao thông thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến phục vụ PCCC cho các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí Trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định PCCC hiện hành.

6.6.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 186,95 MVA, đến năm 2050: 198,7 MVA.

- Nguồn điện chính được lấy từ Trạm 110kV Đô Lương (E15.4), Công suất 2x40MVA. Ngoài ra có cấp điện hỗ trợ từ các trạm TBA 110kV E15.11 Thanh Chương, TBA 110kV Anh Sơn (1x25MVA) và TBA 110kV Tân Kỳ (1x40MVA);

- Cải tạo nâng cấp trạm 110kV Đô Lương lên: 2x63MVA - 110/35/22kV;

- Nâng cấp trạm 220kV Đô Lương lên 2x250 MVA;
- Nhà máy điện mặt trời Đại Sơn: 150MWp;
- Nhà máy điện mặt trời Trù Sơn: 90MWp;
- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu;
- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn.

6.6.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho các đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn; Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện.

- 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. CTR thông thường được xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn tại xã Hồng Sơn quy mô 20ha, CTR Y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân bỏ dần hình thức hung táng, chuyển sang hình thức hỏa táng. Quy hoạch xây dựng nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Tràng Sơn, diện tích khoảng 52 ha.

6.6.6. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6.7. *Đánh giá môi trường chiến lược:* Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch; Các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy định quản lý theo đồ án được phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương:

- Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định;

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt;

- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch đề thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Các Sở, Ngành liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đô Lương; Các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận: *20/*

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CB, CTT Nghệ An, Báo Nghệ An, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: các PVP, các phòng: CN, NN, KT, TH;
- Lưu: VTUB, CVCN (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương,
tỉnh Nghệ An, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 168.../QĐ-UBND
ngày 18 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh)*

**PHẦN I
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ**

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công thực hiện:

1.1. Quy định này quy định các công tác quản lý quy hoạch xây dựng, sử dụng đất, các yêu cầu quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt, làm cơ sở lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu chức năng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi huyện Đô Lương.

1.2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến những hoạt động trong phạm vi của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý:

2.1. Phạm vi ranh giới:

Bao gồm toàn bộ huyện Đô Lương (gồm 33 đơn vị hành chính, bao gồm: Thị trấn Đô Lương và 32 xã thuộc huyện Đô Lương), phạm vi tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Tân Kỳ;
- Phía Nam giáp: Huyện Nam Đàn và huyện Thanh Chương;
- Phía Đông giáp: Huyện Yên Thành và huyện Nghi Lộc;
- Phía Tây giáp: Huyện Thanh Chương và huyện Anh Sơn

2.2. Quy mô:

2.2.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng huyện: 217.878 người (số liệu thu thập tại chi cục thống kê huyện năm 2021);
- Dự báo dân số đến năm 2030, khoảng: 256.000 người; đến năm 2050

khoảng: 325.000 người.

2.2.2. *Quy mô đất đai*: Bao gồm diện tích tự nhiên huyện: 35.372,17 ha.

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển & không gian phát triển kinh tế:

3.1. Các vùng phát triển:

Quy hoạch định hướng phân thành 03 vùng phát triển không gian, theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể:

a) Phân vùng 1 (Vùng phía Tây Bắc): Gồm các xã Ngọc Sơn, Lam Sơn, Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Hồng Sơn và Bài Sơn. Tổng diện tích 92,84km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Giang Sơn theo hướng đô thị sinh thái. Phát triển công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu; chăn nuôi gia súc. Phát triển du lịch sinh thái gắn với nước hồ nước khoáng nóng Giang Sơn và các hồ đập lớn.

b) Phân vùng 2 (Vùng Trung tâm): Gồm Thị trấn Đô Lương và các xã: Bắc Sơn, Bồi Sơn, Đà Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Lưu Sơn, Nam Sơn, Thịnh Sơn, Tràng Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn. Tổng diện tích: 96,56 km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Đô Lương gắn với phát triển thương mại dịch vụ tổng hợp, trung tâm của vùng Tây Nam tỉnh. Phát triển công nghiệp gồm cụm công nghiệp Lạc Sơn. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng lúa và hoa màu sản xuất thực phẩm sạch cho các khu đô thị. Phát triển du lịch gắn với văn hóa lịch sử.

c) Phân vùng 3 (Vùng Đông Nam): Gồm các xã Trung Sơn, Thuận Sơn, Xuân Sơn, Tân Sơn, Minh Sơn, Thái Sơn, Quang Sơn, Thượng Sơn, Nhân Sơn, Hiến Sơn, Trù Sơn, Đại Sơn và Mỹ Sơn. Tổng diện tích: 165,09km². Định hướng phát triển chính: Phát triển đô thị Thượng Sơn. Phát triển công nghiệp gồm cụm công nghiệp Thượng Sơn và vùng phát triển mở rộng không gian của khu kinh tế Nghệ An. Phát triển lâm nghiệp công nghệ cao, trồng lúa và hoa màu.

3.2. Không gian phát các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

a) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Phát triển hệ thống Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ tại các xã Trù Sơn, Hiến Sơn, Nhân Sơn, Quang Sơn với tổng diện tích khoảng 2.000ha theo định hướng Quy hoạch tỉnh Nghệ An (phát triển mở rộng khu kinh tế Nghệ An).

- Phát triển 02 cụm công nghiệp với tổng diện tích 113,3ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Lạc Sơn tại xã Lạc Sơn, quy mô khoảng 72,90ha, ưu tiên các dự án sản xuất hàng tiêu dùng, điện tử, may mặc;

+ Cụm công nghiệp Thượng Sơn tại xã Thượng Sơn, quy mô khoảng 40,4ha, ưu tiên các dự án giấy da, may mặc.

- Quy hoạch phát triển 7 khu làng nghề theo hướng tập trung, trong đó có 03 cụm làng nghề lớn, gồm:

+ Cụm công nghiệp làng nghề Trù Sơn tại xã Trù Sơn, có quy mô 15ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất gốm sứ;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Tĩnh Gia tại xã Thái Sơn, có quy mô 18ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất đồ mộc mỹ nghệ;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Thượng Cát tại xã Tân Sơn, có quy mô 19ha, phát triển chủ đạo nghề sản xuất chế biến thực phẩm.

b) Phát triển nông - lâm nghiệp:

- Trồng trọt: Hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, chất lượng cao theo chuỗi liên kết với các sản phẩm chủ lực của huyện. Phát triển lúa chất lượng cao tại các xã: Văn Sơn, Thịnh Sơn, Yên Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Xuân Sơn, Tân Sơn...; rau, củ, quả ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Trung Sơn, Lư Sơn, Lạc Sơn, Đại Sơn, Giang Sơn Đông; Chanh không hạt tại Giang Sơn, Hồng Sơn, Bài Sơn, Xuân Sơn, Thuận Sơn; bí, dưa ở các xã Trung Sơn, Lạc Sơn, Nam Sơn, Đại Sơn; lạc ứng dụng công nghệ cao tại các xã vùng bán sơn địa và vùng bãi bồi; Cây dược liệu tại các xã: Lam Sơn, Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Mỹ Sơn;

- Chăn nuôi: Chăn nuôi đại gia súc tập trung tại các xã vùng Đông Nam và các xã Đại Sơn, Tràng Sơn, Bồi Sơn;

- Thủy sản: Tận dụng hệ thống sông ngòi, đầm, đìa hiện trạng dọc hai bên Sông Lam để khai thác, nuôi trồng thủy hải sản; Quy hoạch phát triển vùng sản xuất cá giống ứng dụng công nghệ cao tại xã các Thịnh Sơn, Hòa Sơn, Trù Sơn, Tràng Sơn;

- Lâm nghiệp: Quy hoạch Phát triển trồng rừng kết hợp đầu tư khu sản xuất chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ tại các phân vùng 1 và 3 như: Khu lâm nghiệp CNC Bắc Trung Bộ tại xã Đại Sơn (khoảng 170ha); Khu vườn trồng đôi lấy hạt, trồng cây lấy gỗ lâu năm xen lẫn trồng cây dược liệu, tại Giang Sơn, Văn Sơn.

c) Phát triển thương mại dịch vụ:

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các trung tâm thương mại tại 3 đô thị: Đô thị Đô Lương, đô thị Giang Sơn, đô thị Thượng Sơn và khu tập trung dân cư; Chức năng là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện và vùng huyện Tây Nam của tỉnh.

- Phát triển hệ thống thương mại dịch vụ, hệ thống phân phối hàng hóa theo hành lang QL7; Đẩy mạnh thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại, logistic, kho bãi hai bên QL 7C.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ truyền thống thành trung tâm thương mại kết hợp chợ truyền thống của vùng; xây dựng phát triển chợ Ú thành chợ đầu mối buôn bán gia súc tại xã Đại Sơn.

d) Phát triển du lịch: Gồm 02 loại hình du lịch: Du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề. Từng bước hình thành hành lang phát triển du lịch dọc theo QL15 với trọng tâm một số khu vực như sau:

- Du lịch văn hóa - lịch sử, bao gồm:

+ Điểm du lịch các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng: Di tích lịch sử Truong Bồn; đập Bara Đô Lương;

+ Điểm du lịch văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ: Đền Phú Thọ (đã được Nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử - Kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia);

+ Điểm du lịch danh thắng, văn hóa tín ngưỡng, tâm linh: Di tích lịch sử Quốc gia Đền Quả Sơn (gắn với di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia - lễ hội đền Quả Sơn); Chùa Bà Bụt; Chùa Phúc Yên; Đền Hội Thiện; Đình Lương Sơn; Đình Phú Nhuận, Đền Đức Hoàng...

- Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng, làng nghề:

+ Khu phức hợp suối nước khoáng nóng Giang Sơn. Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí thể dục thể thao chất lượng cao;

+ Khu du lịch sinh thái hồ Bàu Đá, Khu du lịch sinh thái xã Nam Sơn, du thuyền hát ví dặm dọc Sông Lam.

+ Đầu tư phát triển các làng nghề truyền thống, các cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm nghiệp gắn liền với phát triển du lịch. Kết hợp giữa du lịch văn hóa, lịch sử với du lịch sinh thái trải nghiệm; Cụ thể: Khu trồng cây dổi lấy hạt kết hợp giáo dục trải nghiệm tại xã Văn Sơn, Thịnh Sơn.

e) Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử:

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (hồ Bàu Đá, hồ Bà Tri, hồ Yên Trạch, hồ Long Thái,...), sông Lam, sông Đào.

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đã đưa vào danh mục kiểm kê, bảo tồn. (10 di tích Quốc gia, 27 di tích cấp tỉnh).

f) Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

- Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê sông, hệ thống hồ đập, hệ thống kênh tưới tiêu... hành lang an toàn đường bộ, đường thủy; hành lang bảo vệ an toàn nguồn nước.

- Tuân thủ các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh quốc phòng đã được quy hoạch.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn:

4.1. Định hướng phát triển không gian đô thị: Định hướng phát triển gồm 03 đô thị: Đô thị Đô Lương (thị trấn Đô Lương hiện hữu và vùng phụ cận); đô thị Giang Sơn và đô thị Thượng Sơn.

✓

a.1. Đô thị Đô Lương (đô thị loại IV): Có chức năng là Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và thương mại dịch vụ của huyện Đô Lương và các huyện phía Tây Nam tỉnh.

- Giai đoạn 2021-2030, gồm toàn bộ địa giới Thị trấn Đô Lương và 02 xã Đà Sơn, Đặng Sơn hiện nay; một phần diện tích các xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Bồi Sơn, Trảng Sơn, Đông Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn, Trung Sơn; định hướng đến năm 2030: Diện tích 1.644,2ha, dân số khoảng 93.000 người, đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng lấy trọn ranh giới hành chính thị trấn Đô Lương và 11 xã: Bồi Sơn, Trảng Sơn, Đặng Sơn, Đông Sơn, Nam Sơn, Bắc Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Lưu Sơn và một phần diện tích 2 xã: Thịnh Sơn, Hòa Sơn. Định hướng đến năm 2050: Diện tích 7.930,0ha, dân số khoảng 141.000 người.

a.2. Đô thị Giang Sơn (đô thị loại V): Là đô thị sinh thái phía Tây Bắc huyện Đô Lương.

- Giai đoạn 2021-2030, hình thành đô thị Giang Sơn tại khu vực trung tâm xã Giang Sơn Tây. Định hướng đến năm 2030: Diện tích 470,0 ha, dân số khoảng 18.600 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đất đô thị lên khoảng 750,0ha; Dân số khoảng 30.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

a.3. Đô thị Thượng Sơn (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Đông Nam huyện Đô Lương.

- Giai đoạn 2021-2030, Hình thành đô thị Thượng Sơn trên cơ sở mở rộng quy hoạch đô thị đã được phê duyệt về phía Tây Bắc, phía Bắc Quốc lộ 7C. Định hướng đến năm 2030: diện tích 560,0 ha; Dân số khoảng 22.400 người; Phát triển thành đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đô thị, diện tích khoảng 1.200,0ha; dân số khoảng 50.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

4.2. Định hướng phát triển nông thôn:

- Giai đoạn 2021-2030:

+ Thực hiện sát nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đồng thời, hoàn thành lập điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung xã;

+ Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu. Đến năm 2030, dân số nông thôn khoảng 122.000 người.

- Giai đoạn 2030 - 2050: Xây dựng và phát triển các khu dân cư theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn kiểu mẫu. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 104.000 người.

4.3. Các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng:

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30 ha, quy mô dân số từ 5.000 - 7.000 người. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã (60x90m)...được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 2km;

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội...;

- Đối với cảnh quan làng, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh;

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch. Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

Điều 5: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng:

5.1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị: Từng bước chuyển khu trung tâm hành chính - chính trị huyện về vị trí quy hoạch mới tại xã Yên Sơn thuộc khu trung tâm mới huyện Đô Lương (trong khu vực phát triển đô thị số 1). Diện tích đất quy hoạch xây dựng là 8,1ha, đáp ứng được trung tâm đô thị trong tương lai.

5.2. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Đô thị Đô Lương (đô thị loại IV), đô thị Giang Sơn, đô thị Thượng Sơn (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học. Đầu tư xây dựng mới 4 tổ hợp giáo dục cấp vùng tại khu vực Trung tâm và đô thị Giang Sơn.

- Giai đoạn 2021-2030: Toàn huyện dự kiến có 95 cơ sở giáo dục. Trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 07 trường THPT; 20 trường THCS; 30 trường tiểu học và 36 trường Mầm non.

- Giai đoạn 2030-2050: Toàn huyện dự kiến có 103 cơ sở giáo dục. Trong đó có 01 trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; 9 trường THPT; 23 trường THCS; 32 trường tiểu học và 39 trường Mầm non. Phát triển trường THCS Lý Nhật Quang và trường THPT Đô Lương 1 trở thành trường trọng điểm của tỉnh. Nâng cấp mở rộng trường trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật theo hướng ưu tiên đào tạo các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội, các khu cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, tỉnh khu vực miền Trung.

5.3. Hệ thống công trình y tế: Phát triển hệ thống Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư vào hệ thống y tế nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế xã, kiên cố hóa hạ tầng y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...).

- Giai đoạn 2021-2030: Phần đầu đạt 1.000 giường bệnh trên toàn huyện. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp bệnh viện huyện đạt quy mô 300 giường bệnh, bệnh viện xã hội hóa tại xã Hòa Sơn. Quy hoạch thêm 02 bệnh viện tại phân vùng 1 (phía Bắc Đô Lương) và phân vùng 2 (vùng trung tâm) để thu hút đầu tư theo hình thức xã hội hoá.

- Giai đoạn 2030-2050: Phần đầu đạt 1.500 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện huyện thành bệnh viện cấp vùng. Nâng cấp 02 bệnh viện Bắc Đô Lương, bệnh viện Tây Đô Lương, quy mô 300 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Nâng cấp bệnh viện xã hội hóa tại xã Hòa Sơn, quy mô 300 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III.

5.4. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn.

+ Thị trấn Đô Lương: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, quy mô 7ha, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện, quảng trường.

+ Trung tâm văn hóa khu vực tại: Đô thị Giang Sơn, Thượng Sơn. Quy mô đạt tối thiểu 5,0ha/trung tâm.

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới; trong đó 50% đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại Thị trấn Đô Lương gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sỏi

vật... tổng diện tích khoảng 14,6ha.

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực tại Đô thị Giang Sơn, Thượng Sơn: sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô 4ha/trung tâm.

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông, 01 nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa, sân tập thể thao.

Điều 6. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Giao thông:

a) Đường bộ:

- Quốc lộ: Trên địa bàn huyện Đô Lương có 07 tuyến, gồm: QL7, QL7C, QL7B, QL15, QL46B, QL46C, QL48E. Tổng chiều dài khoảng 130,25km;

- Tỉnh lộ: Trên địa bàn huyện Đô Lương có 03 tuyến, gồm: TL533, TL534, TL538. Tổng chiều dài khoảng 24,2km;

- Định hướng quy hoạch giao thông đường bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

TT	Tên đường	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch 2030 - 2050		
		Chiều dài (km)	Cấp đường	Số làn xe	Chiều dài (km)	Cấp đường	Số làn xe
I	Quốc lộ	130.25			130.25		
1.1	QL7	15.8	III	2	15.8	III	4
1.2	QL7C	23.3	III	2	23.3	III	4
1.3	QL7B	14.3	III	2	14.3	III	2
1.4	QL15	46.35	IV	2	46.35	III	2
1.5	QL46B	9.5	IV	2	9.5	III	4
1.6	QL46C	9	IV	2	9	III	2
1.7	QL48E	12	IV	2	12	III	2
II	Đường tỉnh	24.2			24.2		
2.1	TL533	15.06	IV	2	15.06	III	2
2.2	TL534	7.29	IV	2	7.29	III	2
2.3	TL538	1.85	IV	2	1.85	III	2
III	Đường huyện	196.6			196.6		
3.1	ĐH.01	14.5	2	IV	14.5	2	III
3.2	ĐH.02	20	2	IV	20	2	III
3.3	ĐH.03	11	2	IV	11	2	III
3.4	ĐH.04	5.5	2	V	5.5	2	IV
3.5	ĐH.05	7.5	2	IV	7.5	2	III
3.6	ĐH.06	12	2	V	12	2	IV
3.7	ĐH.07	3	2	V	3	2	IV
3.8	ĐH.08	7	2	V	7	2	III
3.9	ĐH.09	6	2	V	6	2	IV
3.10	ĐH.10	9.1	2	V	9.1	2	IV
3.11	ĐH.11	8.5	2	V	8.5	2	IV

3.12	ĐH.12	3.5	2	V	3.5	2	IV
3.13	ĐH.13	8	2	V	8	2	IV
3.14	ĐH.14	12.5	2	V	12.5	2	IV
3.15	ĐH.15	8.5	2	V	8.5	2	IV
3.16	ĐH.16	5	2	V	5	2	IV
3.17	ĐH.17	4.5	2	V	4.5	2	IV
3.18	ĐH.18	5	2	V	5	2	IV
3.19	ĐH.19	6.5	2	V	6.5	2	IV
3.20	ĐH.20	14.5	2	V	14.5	2	IV
3.21	ĐH.21	5	2	V	5	2	IV
3.22	ĐH.22	12.6	2	IV	12.6	2	III
3.23	ĐH.23	3.9	2	V	3.9	2	IV
3.24	ĐH.24	3	2	IV	3	4	IV
IV	Đường trục chính đô thị	Tuân theo quy hoạch đô thị					

b) Đường thủy:

- Sông Lam: Đoạn qua địa bàn huyện dài 28,8km, quy hoạch tuyến đường sông vận tải tiêu chuẩn cấp III.

- Cảng thủy nội địa: Quy hoạch các cảng hàng hóa: Cảng Chợ Sỏi - xã Lưu Sơn, quy mô cảng cấp IV. Cảng Tràng Sơn - xã Tràng Sơn, quy mô cảng cấp II;

- Bến thủy nội địa: Nâng cấp các bến tại đền Quả Sơn (xã Bồi Sơn), bến Bắc Sơn, bến Trung Sơn, bến Đặng Sơn để phục vụ vận chuyển hàng hóa và phục vụ phát triển du lịch dọc sông Lam.

c) Bến xe cấp huyện: Quy hoạch 01 bến xe quy mô diện tích khoảng 31.000m², tại xã Lưu Sơn - Đô Lương, Quy mô tiêu chuẩn bến xe loại 1.

6.2. Hệ thống San nền, thoát nước:

a) Nền xây dựng: Căn cứ tài liệu điều tra khảo sát địa hình, thủy văn để lựa chọn cao độ nền đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật hiện hành, cụ thể:

- Khu vực trong các đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn: Cao độ không chế san nền đô thị được chọn dựa vào cao độ ngập lụt tính toán với tần suất 5%. Tùy thuộc vào địa hình để thiết kế không chế cao độ phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của các đô thị.

- Các khu vực khác ngoài đô thị: Cao độ nền xây dựng phù hợp cao độ nền hiện trạng và đảm bảo nền ổn định, không bị ngập lụt, tránh đào sâu, đắp cao.

b) Thoát nước mưa: Tiêu nước chính chia huyện Đô Lương thành 3 lưu vực:

- Lưu vực 1: Các xã phía Bắc sông Đào (Giang Sơn Đông, Giang Sơn Tây, Hồng Sơn, Lam Sơn, Ngọc Sơn, Bồi Sơn, Tràng Sơn, Đông Sơn, Bài Sơn) hướng thoát chính về phía Bắc, vào các mương thoát nước tự chảy rồi thoát ra sông Lam.

- Lưu vực 2: Vùng đồng bằng và bán sơn địa phía đông Nam sông Đào (Văn Sơn, Yên Sơn, Thịnh Sơn, Hòa Sơn, Lạc Sơn, Tân Sơn, Thái Sơn, Minh Sơn,

Quang Sơn, Thượng Sơn, Nhân Sơn, Hiến Sơn, Mỹ Sơn, Trù Sơn, Đại Sơn) thoát vào hệ thống ngòi lạch sông Rào Gang rồi thoát ra sông Lam.

- Lưu vực 3: Vùng đồng bằng và bán sơn địa phía Đông Nam (Bắc Sơn, Nam Sơn, Đặng Sơn, Lưu Sơn, Thị trấn Đô Lương, Đà Sơn, Trung Sơn, Thuận Sơn, Xuân Sơn) thoát vào hệ thống ngòi lạch sông Rào Gang rồi thoát ra sông Lam.

6.3. Hệ thống cấp nước:

- Phân vùng cấp nước (gồm 03 vùng):

+ Vùng cấp nước 1 (Vùng Trung tâm và phía Tây Bắc huyện): Cấp nước cho 02 đô thị Đô Lương, Giang Sơn, và các xã Lưu Sơn, Đà Sơn, Lạc Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Đông Sơn, Trảng Sơn, Bồi Sơn, Lam Sơn, Hồng Sơn, Ngọc Sơn, Giang Sơn Đông và xã Bài Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Đông Sơn lên 15.000 m³/ngđ (năm 2030) và 25.000 m³/ngđ (năm 2050);

+ Vùng cấp nước 2 (Vùng phía Đông và Nam huyện): Cấp nước cho đô thị Thượng Sơn và các xã Hòa Sơn, Trảng Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Văn Sơn, Thịnh Sơn, Tân Sơn, Minh Sơn, Lạc Sơn, Thái Sơn, Quang Sơn, Hiến Sơn; Trung Sơn, Xuân Sơn và Thuận Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Nâng cấp mở rộng nhà máy nước Hòa Sơn lên 23.000 m³/ngđ (năm 2030) và 58.000 m³/ngđ (năm 2050);

+ Vùng cấp nước 3 (phía Tây huyện): Cấp nước cho các xã Đặng Sơn, Nam Sơn và Bắc Sơn. Nguồn nước Sông Lam, giải pháp: Xây dựng mới nhà máy nước Bắc Sơn công suất 2.000 m³/ngđ (đến năm 2030) và 5.000 m³/ngđ (năm 2050).

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Năm 2030: Khu vực đô thị là 110l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 90l/ng.ngđ, tỷ lệ 95%, công nghiệp là 25m³/ha.ngđ;

+ Năm 2050: Khu vực đô thị là 120l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%, công nghiệp là 30m³/ha.ngđ;

- Công suất cấp nước:

+ Năm 2030: khoảng 40.000m³/ngđ

+ Năm 2050: khoảng 88.000m³/ngđ

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố các hồ đập địa phương đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ;

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%;

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ;

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp;

- Hoàn thiện nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu nuôi trồng thủy sản tập trung;

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy: Quy hoạch bố trí đất xây dựng trụ sở đội Cảnh sát PCCC - CHCN số 5 tại thị trấn Đô Lương với diện tích: 2,2 ha. Quy hoạch bố trí thêm các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn; Bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định hiện hành;

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông suối, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động giao thông thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến phục vụ PCCC cho các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí Trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định PCCC hiện hành.

6.3. Hệ thống cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 186,95 MVA, đến năm 2050: 198,7 MVA.

- Nguồn điện chính được lấy từ Trạm 110kV Đô Lương (E15.4), Công suất 2x40MVA. Ngoài ra có cấp điện hỗ trợ từ các trạm TBA 110kV E15.11 Thanh Chương, TBA 110kV Anh Sơn (1x25MVA) và TBA 110kV Tân Kỳ (1x40MVA);

- Cải tạo nâng cấp trạm 110kV Đô Lương lên: 2x63MVA - 110/35/22kV;

- Nâng cấp trạm 220kV Đô Lương lên 2x250 MVA;

- Nhà máy điện mặt trời Đại Sơn: 150MWp;

- Nhà máy điện mặt trời Trù Sơn: 90MWp;

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn.

6.4. Hệ thống xử lý nước thải rắn và nghĩa trang:

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho các đô thị Đô Lương, Giang Sơn, Thượng Sơn; Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện.

- 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. CTR thông thường được xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn tại xã Hồng Sơn quy mô 20ha, CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân bỏ dần hình thức hung táng, chuyển sang hình thức hòa táng. Quy hoạch xây dựng nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Trảng Sơn, diện tích khoảng 52ha.

6.5. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An;

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các điểm du lịch; Các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn sinh thủy, nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường:

7.1. Phạm vi bảo vệ các công trình giao thông:

+ Đối với đường ngoài đô thị: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

+ Đối với đường đô thị: Tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

7.2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối:

a) Các yêu cầu bảo vệ nguồn nước:

Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của chính phủ;

- Các khu vực bảo vệ:

+ Khu vực I: Cấm xây dựng bất kỳ loại công trình nào cho người ở, kể cả công nhân quản lý; cấm xả nước thải, tắm giặt, bắt cá, chăn thả trâu bò; cấm sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và các loại phân khoáng để bón cây, quanh khu vực lấy nước;

+ Khu vực II: Nhà máy, nhà ở, khu dân cư phải được xây dựng hoàn thiện (có hệ thống cấp nước, thoát nước bản và nước mưa...) để bảo vệ đất và nguồn nước khỏi bị ô nhiễm; nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước phải được làm sạch đảm bảo yêu cầu vệ sinh; cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bản nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước mặt:

+ Khu vực bảo vệ cấp I cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 200m, phía hạ lưu tối thiểu 100 m;

+ Khu vực bảo vệ cấp II cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 1000m, cách công trình thu về phía hạ lưu tối thiểu 300m;

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung đến nghĩa trang hung táng là 5.000m, đến nghĩa trang cát táng là 3.000 m;

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ mép nước gần nhất của các thủy vực lớn là 500m đối với nghĩa trang hung táng; là 100m đối với nghĩa trang cát táng.

- Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước ngầm:

+ Khu vực bảo vệ cấp I có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 30m; khu vực bảo vệ cấp II có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 300m;

+ Các trạm xử lý nước thải cách phải cách công trình lấy nước ngầm ít nhất 300m.

- Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước: Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

- Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu:

+ Đối với trạm bơm: 15 - 30m;

+ Đối với trạm xử lý nước thải: 100 - 1000m;

+ Trong phạm vi cách ly môi trường, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Quản lý hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo

Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện;

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm;

- Quy định về khoảng cách an toàn tối thiểu từ công trình xây dựng khác đến: Trạm biến áp đến 35KV là 3,0m; trạm biến áp đến 66,110KV là 4,0m; Trạm biến áp đến 220KV là 6,0m.

7.3. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại;

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m;

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu:

+ Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000m; Bãi chôn lấp vô cơ 100m; Nhà máy xử lý CTR 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR 25m;

+ Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hung táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy;

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng: tối thiểu là 1500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng; tối thiểu là 500m nếu có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng;

+ Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần: tối thiểu là 500m;

+ Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m;

+ Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng.

- Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan

✓

quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận;

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học là 200m.

7.4. Công trình ngầm:

a) Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ tầng tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bê cấp trong ranh giới quy hoạch;

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

b) Quy định về hệ thống tuynel, cống, bê cấp:

- Các tuynel chính cấp vùng: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa;

- Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến cống bê cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

7.5. Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác: Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

7.6. Quy định về quản lý môi trường:

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng;

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn, vv...;

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung ...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa:

8.1. Định hướng phát triển:

Địa hình, cảnh quan (bao gồm không gian, độ cao, cơ sở hạ tầng, kiểu thức kiến trúc, sắc thái, bố cục, màu sắc và những không gian trống): phải được bảo tồn theo các yếu tố gốc của di tích, danh thắng. Việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ, phát triển, sử dụng di tích, thắng cảnh phải tuân thủ nghiêm ngặt Luật Di sản văn hóa, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về quản lý đô thị, các quy định pháp luật khác có liên quan và theo Quy định này.

8.2. Về tổ chức không gian:

a) Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

b) Khu vực bảo vệ di tích: thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

8.3. Về kiến trúc:

a) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Mọi hoạt động kinh doanh trong các khu bảo vệ di tích (đặc biệt là trong phạm vi khu vực bảo vệ I) phải đảm bảo mỹ quan và được cơ quan thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh mới được tiến hành.

b) Nghiêm cấm xây dựng các công trình xây chen, các công trình tạm, công trình, tranh tre, nứa lá, nhà ở, hàng quán tạm bợ trong khu vực quy hoạch công trình di tích lịch sử-văn hóa, danh lam - thắng cảnh.

8.4. Về cảnh quan:

Tổ chức cảnh quan xung quanh các di tích sao cho hài hòa và tôn tạo được các giá trị của di tích, tạo được cảnh quan thích hợp với các hoạt động của người tham quan di tích.

8.5. Quản lý và cấp phép xây dựng:

a) *Khu vực bảo vệ I*: không xây dựng các công trình kiến trúc mới. Ngoài việc tu bổ các công trình di tích đã bị xuống cấp, chỉ xây dựng bia biển chỉ dẫn, giới thiệu di tích. Các hạng mục này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích, đảm bảo mỹ quan và được bố trí hợp lý. Đối với các công trình quan trọng trong các khu vực bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh, UBND huyện cần tổ chức hội nghị tư vấn, phản biện khi xem xét để quyết định cho phá dỡ, xây dựng

mới, sửa chữa, tu bổ. Đối với các hạng mục công trình trong di tích đã bị phá hủy hoàn toàn nhưng có giá trị về mặt lịch sử-văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và có đầy đủ tư liệu khoa học thì có thể được phục hồi hoặc tiến hành bảo tồn khảo cổ, kết hợp trồng cây xanh tạo hình nền để thấy được vị trí, quy mô công trình, cũng như quy mô tổng thể.

b) *Khu vực bảo vệ II*: xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc phát huy giá trị của di tích (khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ...) với hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng phù hợp, hài hòa với di tích, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến di tích gốc. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng xung quanh khu vực bảo vệ I.

Điều 9. Phân công và quy định trách nhiệm:

9.1. Các cơ quan có trách nhiệm theo quy định cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

9.2. Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, nhà, đất hiện trạng của các tổ chức, cá nhân tại các khu chức năng theo quy hoạch trong phạm vi đồ án được quản lý theo các quy định và chính sách hiện hành (về nhà, đất; đầu tư xây dựng). *✓*